

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ 3 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh (%)	
			Quý 3	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	35.180.000	6.022.086	38.153.295	108	
I	Thu nội địa	35.180.000	6.022.086	38.153.295	108,45	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			1.347		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.750.000	1.919.729	3.628.866	207,36	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.500.000	688.913	3.669.245	244,62	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	3.080.000	1.362.119	4.608.879	149,64	
	<i>Trở lại: Lệ phí trước bạ</i>	3.000.000	1.345.172	4.545.374	151,51	
7	Các khoản thu về nhà, đất	28.300.000	1.869.337	25.955.314	91,71	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	400.000	54.868	88.835	22,21	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	300.000	1.069	34.106	11,37	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	27.600.000	1.813.400	#####	93,60	
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
12	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	150.000			0,00	
13	Thu khác ngân sách	400.000	181.988	289.645	72,41	
II	Thu viện trợ					
III	Thu huy động, đóng góp					